

Số: 80 /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 18 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chính sách khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chính sách khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhằm khuyến khích thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

b) Công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật số

72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 15 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15, bao gồm:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có thể kết hợp sử dụng chung hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của Luật số 72/2020/QH14.

- Diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến việc thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Điều kiện áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ

Dự án đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được khuyến khích thực hiện xã hội hóa là công trình hạ tầng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

Điều 3. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ

1. Nhà đầu tư thực hiện nhiều công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng đối với các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đó.

2. Trường hợp công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Quyết định này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo văn bản có quy định mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn.

3. Trường hợp các quy định của pháp luật mới được ban hành có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao hơn những ưu đãi, hỗ trợ mà nhà đầu tư đang được hưởng thì nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ mới kể từ ngày những ưu đãi, hỗ trợ mới có hiệu lực đến hết thời gian ưu đãi của dự án.

4. Trường hợp các quy định của pháp luật mới được ban hành có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ thấp hơn những ưu đãi, hỗ trợ mà nhà đầu tư đang được hưởng thì nhà đầu tư được tiếp tục hưởng những ưu đãi, hỗ trợ trước đó đến hết thời gian ưu đãi của dự án.

5. Dự án đầu tư xây dựng thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, thuế và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Nội dung ưu đãi, hỗ trợ thực hiện xã hội hóa

Nhà đầu tư dự án công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được hỗ trợ về đất đai; ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư; ưu đãi về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Điều 132, Điều 133, Điều 134 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Quyền của nhà đầu tư

a) Lựa chọn hình thức, quy mô, địa bàn đầu tư phù hợp theo quy hoạch, trực tiếp hoặc ủy thác kinh doanh, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện đầu tư, kinh doanh các ngành nghề mà Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 không cấm, thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Được các cơ quan chức năng của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục pháp lý và cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin về quy hoạch, địa bàn, danh mục dự án đầu tư và các thông tin, số liệu cần thiết khác theo yêu cầu của nhà đầu tư trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Nghĩa vụ của nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan khác của Nhà nước; triển khai dự án đầu tư đúng quy hoạch, tiến độ, thời gian theo quy định của pháp luật.

b) Nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật số 72/2020/QH14, khoản 1 Điều 49 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

c) Thực hiện quy định chung về bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại Điều 47 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

d) Thực hiện yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại Điều 48 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Điều 19 của Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Tổ chức hướng dẫn các Nhà đầu tư thực hiện Quyết định này; tiếp nhận và hỗ trợ Nhà đầu tư lập thủ tục đầu tư vào các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, tổ chức thẩm định các dự án đầu tư và cấp chủ trương đầu tư theo quy định.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan để hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện thủ tục để được hưởng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định.

c) Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 51 Luật số 72/2020/QH14; khoản 3 Điều 49 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn về trình tự, thủ tục về đất đai và môi trường đảm bảo theo quy định pháp luật.

b) Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong việc hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, bảo vệ môi trường.

c) Kiểm tra, giám sát về đất đai, bảo vệ môi trường trong việc đáp ứng các điều kiện đầu tư.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các cơ quan liên quan tổng hợp Danh mục dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Danh mục dự án mời gọi đầu tư; thẩm định năng lực tài chính và kinh nghiệm của nhà đầu tư; phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh An Giang và các cơ quan liên quan trong công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong quá trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

c) Phối hợp với các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bố trí nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện hỗ trợ dự án đầu tư công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh trong khả năng cân đối ngân sách và theo quy định của pháp luật.

4. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị có văn bản phản ánh kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2026 và thay thế Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. KT, TT. CB-TH;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tbtri.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Công Thức